

"Độc Tiểu Thanh Ký" – Nguyễn Du-phần 8

Bài Độc Tiểu Thanh kí được dịch và in bằng chữ quốc ngữ khá sớm(1), nhưng phải đợi đến khi soạn giả sách giáo khoa đưa vào Văn 10(2) thì giới nghiên cứu mới thực sự chú ý tới và tạo thành cuộc tranh luận khá sôi nổi, kéo dài ngót 5 năm, sau đấy tạm lắng xuống và cho tới nay vẫn còn nhiều điều cần bàn, nhất là những vấn đề về tư liệu và hướng nghiên cứu. Đây cũng là mục đích của bài viết này.

Có lẽ người đầu tiên châm ngòi cho cuộc tranh luận bài Độc Tiểu Thanh kí là Ts. Nguyễn Danh Đạt. Ông cho rằng, bản dịch nghĩa và dịch thơ bài Độc Tiểu Thanh kí in trong Văn 10 "là chưa ổn"(3) và đưa ra cách dịch mới của mình. Chủ biên Văn 10 - GS.

Nguyễn Đình Chú trả lời. Theo Giáo sư, muốn dịch một cách chính xác bài thơ, phải hiểu đúng hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

và nguyên nhân dẫn đến cách hiểu khác nhau “là do hiểu về hoàn cảnh sáng tác bài thơ khác nhau”(4). Trên cơ sở định hướng đó, Giáo sư khẳng định: Bài Độc Tiểu Thanh kí được viết khi Nguyễn Du còn ở nhà chưa đi sứ. Tiếp theo, các học giả Trần Đình Sử, Đào Thái Tôn, Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Phi... lần lượt viết bài trao đổi. Để trình bày cách hiểu nội dung bài thơ, trong trao đổi, các vị đi theo hai hướng:

Một là, xác định thời điểm ra đời bài Độc Tiểu Thanh kí.

Hai là, truy tìm tư liệu liên quan tới Tiểu Thanh.

Về thời điểm bài thơ ra đời, các nhà nghiên cứu đã đưa ra kết luận ngược chiều nhau. Một số tán thành ý kiến của các cụ Bùi Kỉ, Đào Duy Anh... trước đây; cho rằng, Độc Tiểu Thanh kí được viết vào thời kì Nguyễn Du đi sứ Trung Hoa như Nguyễn Danh Đạt, Trần Đình Sử(5)... Số khác chẳng hạn Nguyễn Lộc, Nguyễn Đình Chú... thì đồng tình với Trương Chính: Độc Tiểu Thanh kí

“không phải làm khi nhà thơ đi qua mộ Tiểu Thanh ở Hàng Châu, mà làm khi còn ở nhà”(6). Mỗi người đều đưa ra lí lẽ của mình và lí lẽ nào cũng có sức thuyết phục riêng. Tuy vậy, cũng có người muốn dung hòa rằng, “có thể Nguyễn Du đã viết bài thơ này trong thời kì đi sứ”(7).

Hướng truy tìm tư liệu về Tiểu Thanh, gồm Nguyễn Quảng Tuân, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi... Các ông đã lần lượt công bố Tiểu Thanh truyện trong thư tịch cổ Trung Hoa như Nữ Liêu trai chí dị(8), Ngu Sơ tân chí(9), Tình sử(10). Tuy nhiên, các ông mới tìm thấy Tiểu Thanh truyện. Thế thì, có cái gọi là Tiểu Thanh kí không? Hoặc giả, Tiểu Thanh kí là Tiểu Thanh truyện như có nhà nghiên cứu đã phỏng đoán?

Để giải quyết những vấn đề trên, chúng tôi nghĩ, trước hết cần biết Tiểu Thanh là ai; sau nữa phải truy tìm những tư liệu viết về Tiểu Thanh có liên quan đến các câu thơ Nguyễn Du. Những tư liệu tìm được sẽ cho ta lời giải đáp.

Bây giờ xin lần lượt trình bày từng vấn đề theo tư liệu chúng tôi đã có.

I/ Tam bách dư niên

1. Để tìm ẩn số 300 năm, vấn đề đầu tiên cần biết: Tiểu Thanh là ai?

Nói chung, trong các thư tịch của mình, người Trung Hoa viết về Tiểu Thanh khá thống nhất. Chỉ có điều, họ chưa thật nhất trí trong việc, nên xếp Tiểu Thanh theo họ hay theo tên trong từ điển. Chẳng hạn, cùng một bộ Từ Hải nhưng sách do Trung Hoa Thư cục xuất bản thì xếp Tiểu Thanh vào từ mục “Tiểu Thanh”, tra chữ tiểu [?] 3 nét; còn sách do Thượng Hải Từ thư xã xuất bản lại đặt vào từ mục “Phùng Tiểu Thanh”, tra chữ phùng [?] 12 nét. Lấy chữ “Phùng” hay chữ “Tiểu” làm đầu mục từ, đều thể hiện quan điểm về phụ nữ của các soạn giả. Khi tôn trọng ai đó,

người Trung Hoa thường dùng họ để gọi, khi bình thường thì chỉ gọi tên là đủ. Vì lẽ đó, cuốn từ điển do Thượng Hải Từ thư xã in năm 1989, các soạn giả lấy chữ “Phùng” làm đầu mục từ để tra. Bởi không lưu ý tới đặc điểm này nên, khi tra “Tiểu” trong từ mục “Tiểu Thanh” ở Từ Hải của Thượng Hải Từ thư xã không thấy, có nhà nghiên cứu đã hốt hoảng thốt lên rằng khi tái bản, “cuốn Từ Hải mới (Thượng Hải Từ thư xuất bản xã, Thượng Hải, 1989) mục “Tiểu Thanh” đã bị lược bỏ”(11). Thực ra, họ đâu có “lược bỏ”! Chỉ tại, sách thì lấy tên, sách thì dùng họ làm đầu mục cho từ điển mà thôi.

Về cuộc đời Phùng Tiểu Thanh, thoạt đọc, ta cũng thấy hiện tượng dường như mâu thuẫn. Chẳng hạn, Trung Hoa Thư cục ghi, Tiểu Thanh là “tên người con gái ở Giang Đô, thời Minh... giỏi thơ từ, biết âm luật. Bởi vợ cả không dung, dời đến ở nhà riêng tại Cô Sơn; có người bà con là Dương phu nhân thương xót, nói bóng gió khuyên đi lấy chồng khác nhưng không nghe, buồn đau thành bệnh; sai họa sư vẽ ảnh mình, tự tế rồi chết, năm

chỉ mới 18 tuổi; chôn ở Cô Sơn, Tây Hồ. Có người họ hàng thu thập thơ từ của nàng, khắc in thành Phần dư cáo. vở tạp kịch Xuân ba ảnh của Từ Hối thời Minh là lấy từ câu chuyện về Tiểu Thanh mà phổ ra”(12). Thượng Hải Từ thư xã lại viết: Phùng Tiểu Thanh là “nhân vật trong truyện văn học. Tương truyền, nhà ở Dương Châu, giỏi thơ, tài họa. Năm 16 tuổi lấy con trai họ Phùng làm thiếp. Bị người vợ cả ghen tuông, đưa ra an trí tại Phật Xá, Cô Sơn do một ni cô cai quản, tinh thần đau khổ, uất ức mà chết. vở kịch truyền kì Liễu đổ canh của Ngô Bính thời Minh đã lấy sự kiện này làm đề tài”(13). Tuy viết có vẻ khác nhau như vậy, nhưng thực ra, họ đâu có mâu thuẫn. Chỉ vì, Trung Hoa Thư cục dựa vào cuộc đời thực của Tiểu Thanh để biên soạn, còn Thượng Hải Từ thư xã lại dựa vào tác phẩm văn học để viết về Tiểu Thanh. Ngay cả thời điểm Tiểu Thanh sống, họ viết cũng có vẻ khác nhau, song thực chất vẫn thống nhất. Chẳng hạn, Từ Hải nói, Tiểu Thanh người thời Minh; Từ Nguyên bản in năm 1988 bảo người thời Minh Mạt; còn Từ nguyên bản in năm 1938 và Trung Quốc nhân danh đại từ điển lại viết, nàng người thời Thanh

Sơ... Bảo Tiểu Thanh người thời Minh, thời Minh Mạt hoặc Thanh Sơ đều đúng cả, vì mỗi sách lấy từ một nguồn khác nhau. Hơn nữa, trong văn chương, người viết thường dùng con số ước lượng.

2. Liên quan đến Tiểu Thanh là ai, có vấn đề mộ Tiểu Thanh.

Về mộ Tiểu Thanh thì, 3 trong 5 bộ từ điển là Từ nguyên (bản in năm 1938 và năm 1988) và Trung Quốc nhân danh đại từ điển đều khẳng định: Nay ở Cô Sơn, Tây Hồ có mộ Tiểu Thanh. Trong ba tư liệu trên, đáng chú ý nhất vẫn là Trung Quốc nhân danh đại từ điển, một loại sách công cụ chỉ dẫn tên người Trung Hoa có thật, đã thừa nhận: “nay ở Cô Sơn Tây Hồ Hàng Châu có mộ Tiểu Thanh”.

Vậy, hiện nay ở Cô Sơn, Tây Hồ có mộ Tiểu Thanh không? Rất may là, gần đây trên một trang Web của mạng Dương Châu (Trung Hoa), mục Dương Châu mỹ nữ (năm 2004) có đưa tin về

Tiểu Thanh và hai bức ảnh: mộ Tiểu Thanh (ảnh này cách đây hơn 70 năm, Phan Quang Đán cũng đã công bố(14)) và ảnh màu cảnh Cô Sơn bên hồ Tây Tử. Nhấn mạnh vấn đề này, chúng tôi không nhằm mục đích khẳng định hoặc phủ định Tiểu Thanh là người có thật hay không có thật. Chỉ biết, Nguyễn Du viết bài Đọc Tiểu Thanh kí và người Trung Hoa có ảnh mộ Tiểu Thanh. Vấn đề chúng ta cần là thời điểm Tiểu Thanh hiện diện trên đời vì liên quan tới câu “tam bách dư niên” trong thơ của Nguyễn Du.

Thực ra, vấn đề Phùng Tiểu Thanh diễn ra tương tự hiện tượng Vương Thúy Kiều. Thoạt đầu, nàng là người có thật, sau đấy, các văn nhân tài sĩ đua nhau tiểu thuyết hóa để thành các câu chuyện khác nhau.

3. Thời điểm Tiểu Thanh hiện diện trên thế gian này.

Có lẽ do mới tìm thấy Tiểu Thanh truyện, nên chúng ta lúng túng khi lí giải thời gian hơn 300 năm. Tính từ bao giờ để đến Nguyễn

Du (1765-1820) được 300 năm? Ngũ Sơ tân chí thì nói, Tiểu Thanh mất năm Nhâm Tí niên hiệu Vạn Lịch 1612. Xin lưu ý, chỉ có sách Ngũ Sơ tân chí nói thời điểm Tiểu Thanh qua đời, các tài liệu khác như Tình sử, Nữ Liêu trai chí dị và một số tài liệu chúng tôi mới sưu tầm không đề cập tới vấn đề này. Dù tính toán bằng cách nào thì, từ năm Tiểu Thanh mất (theo Ngũ Sơ tân chí) 1612, hoặc năm Tiểu Thanh sinh 1595 đến thời điểm Nguyễn Du ra đời 1765, hoặc Nguyễn Du đi sứ 1813, thậm chí tới lúc Nguyễn Du mất 1820 cũng chỉ được 225 năm ($1820 - 1595 = 225$) huống chi lại “hơn 300 năm”! Song, tài liệu Dương Châu mỹ nữ sẽ giúp ta giải đáp phần nào nghi vấn này.

Để giới thiệu các mỹ nữ nổi tiếng thời Minh của Trung Hoa, trong mục “Bi kịch thảm thương của Phùng Tiểu Thanh - đại diện cho các cô gái đẹp ở Dương Châu” địa chỉ www.yzmn.cn, tác giả viết: “Bên Tây Hồ ở Hàng Châu có hai ngôi mộ mỹ nhân thường khiến du khách phải buồn đau than thở. Thứ nhất là ngôi mộ cô đơn của Tô Tiểu Tiểu, một thi sĩ - danh kỹ nổi tiếng thời Nam Tề(15),

nằm tại bờ tây Lãnh Kiều; ngôi thứ hai là mộ Phùng Tiểu Thanh, một oán nữ thời Minh Sơ, nằm yên tĩnh đã lâu trong khu rừng mai dưới chân núi Cô Sơn. Hai ngôi mộ cỏ xanh phủ kín khiến cho bờ hồ Tây Tử tăng thêm vẻ đẹp đượm buồn. Người tới đây tưởng niệm, không khỏi hồi tưởng đến câu chuyện thê lương của hai giai nhân bạc mệnh”.

Đoạn văn trên nói rõ, Tiểu Thanh sống thời Minh Sơ, mộ hiện ở Tây Hồ. Chẳng những thế, tác giả còn kể tỉ mỉ thân phận nàng:

“Phùng Tiểu Thanh vốn là con gái nhà thế gia ở Quảng Lăng. Trước đây, vị tổ của nàng từng theo Chu Nguyên Chương nam chinh bắc phạt, có công trong việc dựng nên giang sơn nhà Đại Minh. Sau khi nhà Minh định đô ở Nam Kinh, gia tộc họ Phùng được hưởng quan cao, lộc hậu. Đến đời phụ thân Phùng Tiểu Thanh, ông được thụ phong làm Thái thú Quảng Lăng.

Thuở ấu thơ, Phùng Tiểu Thanh sống trong phủ Thái thú ở

Quảng Lăng. Đó là những ngày có thể nói rằng, vàng son chói lọi, áo gấm xênh xang, kẻ hầu người hạ tấp nập. Từ nhỏ, Phùng Tiểu Thanh đã xinh đẹp đoan trang, thông minh linh lợi, rất được yêu chiều”.

Về gia thế thân mẫu Phùng Tiểu Thanh, tác giả kể: “Mẹ nàng cũng là một khuê tú, xuất thân từ gia đình đại gia, giỏi văn chương, thạo đàn phách và chỉ có một cô con gái cưng như báu vật là Phùng Tiểu Thanh. Từ nhỏ, Tiểu Thanh đã được gia đình quan tâm dạy dỗ, mong sau này trở thành tiểu thư tài mạo xuất chúng”.

Thời thơ ấu của Tiểu Thanh như vậy. Nhưng rồi, một biến cố trọng đại bất ngờ ập xuống gia đình nàng. Tác giả kể tiếp: “Nhưng ai hay, trời có gió mây bất trắc; người có phúc họa khôn lường. Năm Kiến Văn thứ tư, Yên vương Chu Đệ mượn danh nghĩa “dẹp nạn” đã đoạt lấy ngôi vua của Kiến Văn đế. Khi Chu Đệ tiến quân vào Nam Kinh, thân phụ Phùng Tiểu Thanh bấy giờ

đang là bề tôi của Kiến Văn để nên đem quân cương quyết chặn lại. Sau khi Chu Đệ lấy được thiên hạ, Phùng gia tự nhiên trở thành ma không đầu dưới lưỡi dao của vị vua mới này và bị giết cả nhà. Lúc đó Phùng Tiểu Thanh vừa tuổi cập kê, lại đúng dịp đang theo một người bà con là Dương phu nhân ở nơi xa, nên may mà thoát nạn. Trong cảnh hỗn loạn ấy, nàng theo Dương phu nhân chạy đến Hàng Châu”.

Kiến Văn là niên hiệu của Chu Huệ đế nhà Minh, lên ngôi năm Kỷ Mão 1399. Như vậy, năm thứ tư sẽ là năm Nhâm Ngọ 1402. Vào thời điểm ấy, Tiểu Thanh đang tuổi cập kê, nghĩa là 14 hoặc 15 tuổi. Nàng mất ở tuổi 18, nghĩa là ba bốn năm sau, khoảng 1405-1406. Nếu tính từ 1405-1406 đến năm Nguyễn Du ra đời 1765 thì sắp sỉ 360 niên, còn tính đến năm vua Gia Long lên ngôi 1802 thì phải hai 3 năm nữa mới đủ 400 năm và nếu tính đến năm Nguyễn Du đi sứ 1813 thì đã 407-408 năm. Điều này có lẽ cho thấy, Nguyễn Du viết Độc Tiểu Thanh kí trước khi vua Nguyễn Gia Long lên ngôi, thậm chí viết rất sớm, trước khi Nguyễn Huệ

đem quân ra Bắc năm 1786. Có điều rất lạ là, khi biên soạn Thơ chữ Hán Nguyễn Du, chẳng hẹn mà nên, cả hai nhà khoa học, ông Trương Chính và Đào Duy Anh đều khẳng định, Tiểu Thanh “sống vào đầu đời Minh”(16), đúng với tài liệu Dương Châu mỹ nữ. Hoặc giả, hai ông Trương - Đào đã được đọc tài liệu mà sau này mạng Dương Châu công bố chẳng? Tiếc rằng, hai ông và cả tác giả Dương Châu mỹ nữ không cho biết xuất xứ tư liệu các vị đã dùng. Dựa vào tài liệu mạng Dương Châu mới công bố gần đây và chú thích của hai ông Trương - Đào, ta có thể coi như bước đầu đã giải quyết xong câu “bất tri tam bách dư niên hậu” và cũng có thể coi như giải đáp một phần vấn đề thời điểm Nguyễn Du viết Đọc Tiểu Thanh kí. Tuy nhiên, theo chúng tôi, cũng không nên chỉ hiểu “tam bách dư niên” là thời điểm tính từ Tiểu Thanh qua đời đến Nguyễn Du đọc Tiểu Thanh kí. Ngoài nghĩa chủ yếu ấy ra, có lẽ Nguyễn Du còn muốn đề cập tới nghĩa thứ hai: chu kì vòng đời của một con người. Xin đưa ra để tham khảo thêm.

Cổ nhân cho rằng, giới hạn đời người là trăm năm. Vì vậy, khái

số “trăm năm” được dùng để tính một kiếp. Triết học phương Đông cổ đại lại quan niệm, vòng đời con người gồm 3 kiếp (cũng gọi là “tam sinh” hoặc “tam thế”). Bởi vậy, “tam bách niên” cũng đồng nghĩa với một vòng đời. Sau khi hết một vòng đời 300 năm của mình, biết hậu thế có ai khóc Tố Như? Đây có thể là ý nghĩa thứ hai của câu thơ: Bất tri tam bách dư niên hậu... Vả chăng, trong văn học, người trung đại thường dùng con số theo kiểu ước lượng, chứ không làm phép tính cộng trừ chuẩn xác như chúng ta ngày nay.

4. Nguyễn Du viết Độc Tiểu Thanh kí ở Việt Nam hay trên đường đi sứ năm 1813?

GS. Trần Đình Sử có lí khi đặt câu hỏi: “Nếu bài thơ viết trước khi đi sứ, thì sao biết được Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang?”(17).

Để giải đáp câu hỏi của GS. Trần, xin cung cấp một tư liệu khác: Tây Hồ giai thoại cổ kim di tích (gọi tắt là Tây Hồ giai thoại) của

Cổ Ngô Mặc lãng tử [?]; tác phẩm ra đời vào thời Thanh với lời tựa đề Tựa cho bản in ghi năm Quý Sửu niên hiệu Khang Hi 1673 của chính tác giả. Chúng tôi xin chỉ đề cập ở đây những gì trong tác phẩm này liên quan tới Độc Tiểu Thanh kí.

Sách in, khổ 17,8 cm x 11,5 cm. Bìa gồm ba cột dọc, đọc từ trên xuống. Cột giữa in 4 chữ cỡ lớn: Tây Hồ giai thoại; cột bên phải, 6 chữ nhỏ: Tinh hội thiết sắc toàn đồ; cột bên trái, cũng 6 chữ cỡ nhỏ: Kim Lăng Vương nha tàng bản. Nội dung của sách gồm:

a - Bài Tựa do chính tác giả tựa đề, lạc khoản ghi: “Khang Hi tuế tại Chiêu dương Xích phần nhược, Mạnh xuân Trâu nguyệt, Vọng nhật, Cổ Ngô Mặc lãng tử đề”. Ngày rằm tháng Giêng năm Quý Sửu niên hiệu Khang Hi là năm 1673. Tại trang này có hai dấu triện vuông. Dấu trên khắc ba chữ: “Mặc lãng tử”; dấu dưới bốn chữ: “Tây Hồ đắc nhân”.

b - Cấu trúc của sách: Sách gồm 2 phần.

* Phần đầu : một quyển với tên gọi Quyển đầu, có:

+ Bài Tựa của Cổ Ngô Mặc lãng tử;

+ Mục lục về 10 cảnh đẹp Tây Hồ là:

Buổi sớm trên đê Tô Thức, Hương sen ở Khúc Viện, Nghe tiếng chim oanh hót ở Liễu Lăng, Xem đánh cá ở Hoa Cảnh, Tiếng chuông buổi sáng ở Nam Bình, Sắc thu ở Bình Hồ, Lưỡng Phong cao chạm mây, Trăng in bóng ở Tam Đàm, Chiều tà chiếu tháp Lô Phong, Tuyết cuối mùa ở Đoạn Kiều.

+ Tranh vẽ và thơ: 2 bức Tây Hồ toàn đồ và 10 bức tranh ứng với 10 mục kể trên.

Bên mỗi bức Tây Hồ giai cảnh đều có một bài thơ, soạn giả ghi rõ, ai vẽ, đề thơ của ai.

* Phần hai: 16 quyển viết về danh nhân Trung Hoa là: Cát Hồng,

Bạch Lạc Thiên, Tô Thức, Lạc Tân Vương, Lâm Hòa Tĩnh, Tô Tiểu Tiểu, Nhạc Phi và Tần Cối, Vu Khiêm, Lâm Đạo Tế, Biện Tài, Văn Thế Cao, Tiền Lưu, Viên Trạch và Lí Nguyên, Phùng Tiểu Thanh, Bạch Xà nương và Hứa Xương, pháp sư Liên Trì.

Trong bài Tựa, chúng tôi đặc biệt chú ý tới đoạn kết. Cổ Ngô Mặc lãng tử khẳng định: “Ngày nay và mai sau, có ai hâm mộ hồ Tây Tử mà không tận mắt nhìn, thì mở bức họa đồ này ra, xem qua một lượt là dường như có thể như đang ngoạ du trên hồ Tây Tử vậy”. Thế thì, nếu Nguyễn Du đã đọc Tây Hồ giai thoại, đã mở xem 12 bức vẽ về Tây Hồ trong sách, có lẽ ông chẳng cần đến tận Tây Tử mới biết “Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khu”! Hơn nữa, đa phần các thiên trong Tây Hồ giai thoại thường được kết cấu theo kiểu: Mở đầu bằng cảnh Tây Hồ tươi đẹp tràn đầy sức sống và hấp dẫn con người, nhưng khép lại bằng cảnh nhân vật chết, hoặc chết bi phẫn như Nhạc Phi, hoặc chết uất hận như Tiểu Thanh, Tô Tiểu Tiểu...; hoặc sau khi nhân vật chết rồi, chỉ còn lại di tích một ngôi mộ hoang, một ngôi nhà quạnh vắng thê lương,

một khu vườn trống... như các thiên Cát Lĩnh tiên tích, Bạch Đê chính tích, Linh ẩn thi tích, Tây Lãnh vận tích, Nhạc phần trung tích... Và, chữ khu [?] đâu chỉ có một nghĩa là “gò hoang”? Khu ít nhất 7 nghĩa, trong đó có nghĩa là “nền hoang”, “hoang phế”... Cho nên, ta có thể hiểu “Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khu” như các dịch giả của cả ba công trình Thơ chữ Hán Nguyễn Du: “vườn hoa bên hồ Tây đã thành bãi hoang rồi” (trang 96 bản Bùi Kỉ..., năm 1959; trang 162 bản Lê Thuớc, năm 1965; trang 173 bản Đào Duy Anh năm 1978). Ngoài ra, thiên số 7 trong Tây Hồ giai thoại: Nhạc phần trung tích viết về Nhạc Phi và Tần Cối còn giúp thêm tư liệu khẳng định thời điểm ra đời bài Độc Tiểu Thanh kí. GS. Nguyễn Đình Chú rất tinh tế khi nhận xét: “Nhạc Vũ Mục mộ là viết về mộ của Nhạc Phi ở Hàng Châu (thuộc tỉnh Chiết Giang) thì xem ra lại không đến mà viết”(18). Đúng vậy! Tây Hồ giai thoại đã chứng thực điều đó.

Vậy là, về cơ bản, ta đã giải quyết xong câu đầu Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khu và 2 câu kết Bất tri tam bách dư niên hậu -

Thiên hạ hà nhân khắp Tố Như.

II/ Cổ kim hận sự... Phong vận kì oan...

“Hận sự” ở đây là gì? Tiểu Thanh bị oan tới mức nào khiến Nguyễn Du gọi là “kì oan”? “Phong vận kì oan...” đi liền với “cổ kim hận sự...” thành một cặp, không thể tách rời. Tình sử, Ngu Sơ(19) tân chí và kể cả Nữ Liêu trai chí dị chưa phản ánh được cái gọi là “hận sự” và “kì oan” của Tiểu Thanh. Nhưng thiên 14 Di tích về nỗi hận ở gò mai trong Tây Hồ giai thoại đã chỉ rõ điều này.

Sau khi kể xong cuộc đời Phùng Tiểu Thanh, Cổ Ngô Mặc lãng tử kết luận: “Kẻ có lòng liên tài, phần lớn coi việc Tiểu Thanh buồn uất mà chết là nỗi hận. Ta thì không nghĩ vậy. Giá như Phùng sinh không sợ tên đồ phụ kia và vợ Phùng sinh không đố kỵ Tiểu Thanh, thì chẳng qua Tiểu Thanh chỉ là kẻ thê thiếp tham ân trộm ái, nhận sự sung phúc tầm thường, dù tên tuổi có mỹ miều thì trong khoảnh khắc cũng tan biến, sao có thể trăm năm sau vẫn

khuyến văn nhân tài sĩ, mỗi khi qua ngôi nhà riêng ở Cô Sơn, điều tưởng ánh tịch dương rực rỡ nơi núi chiều, nhớ tới Tiểu Thanh phong lưu như đang còn?

Than ôi! Điều mà trời kia không nhất thời thành tựu cho Tiểu Thanh lại chính là để thành tựu cho nàng ngàn năm! Sao lại có hận?”.

Đây là cách nói của Mặc lãng tử. Nếu không coi cuộc đời của Tiểu Thanh là một nỗi hận lớn, hà cớ tác giả lại đặt nhan đề Mai tự hận tích – (Di tích về nỗi hận ở gò mai) cho câu chuyện về Tiểu Thanh, mà không đặt Tiểu Thanh truyện như Trương Triều trong Ngũ Sơ tân chí, như Phùng Mộng Long trong Tình sử ? Hơn nữa, mở đầu câu chuyện, Mặc lãng tử còn đặt câu hỏi: “Tây Hồ là đất ăn chơi. Hoa đua cười, chim tìm bạn. Xuân qua, thu lại, bốn mùa đều làm người ta vui vẻ. Vậy sao lại có nỗi hận?”. Từ nhan đề, đến phần mở đầu, phần kết thúc câu chuyện, Mặc lãng tử đều tập trung vào một chữ hận. Chữ hận được khắc sâu bởi

một kì oan. Nỗi kì oan của Tiểu Thanh bắt đầu xảy ra năm nàng 16 tuổi khi cùng Phùng sinh kết duyên. Phùng sinh là đầu mối mọi nỗi oan nghiệt của Tiểu Thanh và chính nàng cũng gọi chàng là “oan nghiệp phu”.

Mặc lãng tử kể: “Phùng sinh là một công tử giàu có ở Tây Hồ. Tính chàng hám sắc, nhưng bị người vợ hay ghen giàng giữ, nên chẳng thể ho he gì được. Về sau, nhờ nhiều lần khẩn cầu thống thiết, vợ chấp nhận cho cưới thiếp, nhưng không cho lấy người ở gần, vì sợ những kẻ đó có quan hệ bất chính với chàng từ trước; lệnh phải lấy ở nơi xa, tận Duy Dương và hẹn vừa đi vừa về chỉ trong vòng nửa tháng, nếu quá hạn sẽ không cho người thiếp kia bước chân vào cửa. ý của cô ta là, do thời hạn gấp gáp chắc gì chàng tìm được người; mà nếu tìm được chẳng nữa, vị tất có người đẹp”. Hơn nữa, cô còn nghĩ: “con gái Duy Dương phần nhiều bị các trưởng quan lấy hết rồi; nếu còn, thì cũng chỉ là loại thê thiếp tầm thường”. Nhưng cô biết đâu, số trời đã định, chòng cô lại gặp mỹ nữ Phùng Tiểu Thanh sắc tài toàn vẹn. Khi Tiểu

Thanh xuất hiện, dù nàng “đã phải cúi đầu hạ dạng cung kính không dám lộ một chút phong lưu, vậy mà phong thái kiêu diễm tự nhiên của Tiểu Thanh càng giấu, lại càng rục rỡ” khiến lòng đố kị của vợ Phùng trở nên uất kết. Cô ta “thấy Tiểu Thanh hạ mình, càng ngờ rằng, nàng có thâm ý gì, nên luôn luôn theo sát, không để cho chồng có thể cười nói riêng với nàng một lời”. Để ra oai, trước tiên cô thu vút hết son phấn do Tiểu Thanh mang về, rồi đốt sạch sách vở Tiểu Thanh đem theo, sau đó cấm cố nàng trong phòng, không cho giao thiệp với bất cứ một ai dù chỉ nửa lời. Kể tới đây, Mặc lãng tử đã mỉa mai: “Đúng là cái gọi, “yêu thương bánh vẽ, tình lang trong tranh”! Đến như muốn làm Ngưu Lang - Chức Nữ mỗi năm gặp nhau một lần cũng không thể”.

Đây mới là khúc dạo đầu cho bản trường hận ca Phùng Tiểu Thanh. Những chi tiết chúng tôi vừa nêu trên đều không có trong Tình sử và trong Ngu Sơ tân chí.

Một lần, vợ Phùng sinh đi dâng hương tại chùa Thiên Trúc, sợ

Tiểu Thanh ở nhà sẽ lén lút gặp chồng nên bắt cô đi theo. Lúc về tới nhà, hai người gặp Phùng sinh đang đợi trong phòng. Trông thấy chồng, Tiểu Thanh e ngại tránh mặt. Ta hãy xem vợ Phùng sinh phản ứng ra sao? Cô lên giọng phán: “Đây là nhà của ta, không phải nơi để người tránh mặt; đây là phòng ở của ta, lại cũng chẳng phải nơi để người có mặt. Có mặt hay tránh mặt đều không thể”. Chi tiết này cũng không có trong Tình sử và trong Ngũ Sơ tân chí. Sau đó, cô đưa Tiểu Thanh đến ngôi nhà riêng tại gò mai núi Cô Sơn cho ở một mình và lệnh: “Ta có ba điều pháp quy người phải tuân thủ là: chưa có lệnh ta mà chàng đến, không được gặp mặt; chưa được lệnh ta mà có thư từ chàng gửi đến, không được mở xem; người có viết thư từ, phải đưa ta đọc, không được tự ý thư từ với người khác. Nếu có chút gì sai phạm, quyết chẳng nương nhẹ!”.

Cứ như vậy, vợ Phùng sinh từng bước dồn Tiểu Thanh đến chỗ chết: ban đầu, vứt hết phán son, đốt sạch sách vở, cấm cố không cho giao tiếp với bất cứ ai kể cả chồng. Tiểu Thanh muốn như vợ

chồng Ngâu mỗi năm gặp nhau một lần cũng không xong. Tiếp theo, sự có mặt hay tránh mặt của Tiểu Thanh đều không nơi. Rồi, tổng nàng ra ngôi nhà riêng dưới chân núi Cô Sơn bắt ở một mình với ba điều pháp quy cấm ngặt không cho giao thiệp với đời. Như vậy khác nào chặt hết đường sống của nàng? Đến đời, nơi Cô Sơn “tuy cảnh núi sông tươi đẹp, (Tiểu Thanh) cũng không dám hé cửa sổ ngắm nhìn”. Nỗi cô đơn uất hận khiến Tiểu Thanh thành bệnh mà qua đời. Một chi tiết trong Tiểu Thanh truyện cũng như trong Mai tự hận tích đều có nhưng dường như ít được chú ý là, khi Phùng sinh mở màn nhìn Tiểu Thanh lúc biết tin nàng đã qua đời. Mặc lãng tử viết: “Chiều xuống, Phùng sinh lật đật chạy tới, mở màn ra nhìn, thấy Tiểu Thanh dung quang tươi đẹp, áo quần sạch tươm như thuở sinh thời chưa bị ốm, nhưng chẳng còn nói cười nữa, không nén nổi tiếng kêu bi ai, giãy chân, hộc máu ra đến hơn một đấu”. Khi bị chết oan, gặp thân nhân như chồng con, bố mẹ..., người chết thường nấc lên rên, hộc máu ra rồi mới chết hẳn. Đáng tiếc rằng, các dịch giả Tiểu Thanh truyện lại cho đây là hành vi của Phùng sinh, nên

dịch: “người chồng bỗng dẫm chân gào lên một tiếng dài rồi thổ ra hơn một thăng huyết”(20), hoặc “Chập tối chồng hay tin chạy lại, vén màn thấy dung nhan như sống, xiêm áo tinh tươm, đau đớn khóc to, thổ huyết một thăng. Sau đó lục lọi tìm được...”(21). Nếu anh chồng đã “thổ ra đến hơn một thăng huyết” sao còn sức để “lục tìm hồi lâu, thấy được một quyển thơ...”, rồi lại “đau đớn gào lên: Ta phụ nàng! Ta phụ nàng!”? Đây chính là cách biểu hiện cái “kì oan”, cái “hận sự” của Phùng Tiểu Thanh.

Ở đây nên hiểu “phong vận kì oan” như thế nào cho thỏa đáng? “Phong vận” có hai nghĩa. Thứ nhất: người con gái có tư thái tốt đẹp; thứ hai: “chỉ phong cách tình thú của thơ văn, thư, họa”(22). Vậy là, không chỉ Tiểu Thanh, mà cả thơ văn, thậm chí cả bức vẽ Tiểu Thanh cũng mắc “kì oan”. Số phận Tiểu Thanh diễn ra đúng như vậy: chết trong uất hận, thơ từ và bức vẽ đều bị đốt...

Vì kì oan nên hận mà chết. Nỗi hận kia đâu chỉ xảy ra với riêng Tiểu Thanh, mà xảy ra đối với mọi kiếp người trên thế gian này

và đi suốt thời gian kim cổ. Đây là quy luật cuộc đời mà Nguyễn Du rút ra. Sau này, khi đã nhiều tuổi hơn, ông khái quát xã hội mình đang tồn tại bằng những câu thơ chua xót:

Hậu thế nhân nhân giai Thượng quan,

Đại địa xứ xứ giai Mịch La,

Ngư long bất thực sài hổ thực...

(Đời sau ai ai (tính cách) cũng đều như Thượng quan,

Mặt đất đâu đâu cũng chỉ là sông Mịch La,

Không bị ngư long ăn thịt, thì bị hùm sói ăn thịt...)

Thượng quan là Ngạn Thượng, một tên quan luôn đồ kị hiền tài, đã gièm pha Sở Hoài vương ruồng bỏ Khuất Nguyên, khiến Khuất Nguyên phải đâm đầu xuống sông Mịch La tự tử. Sông Mịch La nơi Khuất Nguyên tự tử, tượng trưng cho cõi chết. Con người toàn là kẻ nham hiểm đẩy hiền tài đến cái chết, mặt đất đều là nơi tử địa.

“Cụ” trong cụm từ “ngã tỵ cụ”, nên hiểu là “xử” như các cụ Bùi Kỉ, Trương Chính... đã dịch. Ta tỵ coi nỗi kì oan của nàng, của thơ văn do nàng viết, của bức chân dung nàng do họa sư vẽ... là chính nỗi kì oan của ta, như chính ta đang mắc nỗi kì oan đó; cũng có nghĩa là, ta hiểu thấu nỗi kì oan của nàng.

III/ Đọc điệu song tiền nhất chỉ thư

1. “Nhất chỉ thư” là gì ?

Câu Đọc điệu song tiền nhất chỉ thư được dịch như sau:

- Trước song một mình viếng một tập giấy (bản Bùi Kỉ 1959, tr.69).
- Chỉ viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ (bản Lê Thuớc 1965, tr.162, Đào Duy Anh 1988, tr.173).
- Riêng ta viếng khóc tập sách trước cửa sổ (Trần Danh Đạt, Sđd, tr.43).

- Một mình nhớ tới nàng qua một tờ giấy chép truyện (Trần Đình Sử, tr.222).

- Trước song cửa sổ ta một mình ngồi viết bài thơ này để điệu nàng trên một tờ giấy (Nguyễn Quảng Tuân, Sđd, tr.45).

Ở đây có ba cách hiểu: Một là viếng tập giấy, viếng khóc tập sách, nghĩa là viếng tác phẩm viết về Tiểu Thanh; hai là viếng qua một tập sách, một tờ giấy chép truyện, nghĩa là viếng qua tác phẩm viết về Tiểu Thanh; ba là viết bài thơ này để điệu nàng, nghĩa là, điệu bằng bài Độc Tiểu Thanh kí. Và như vậy, “nhất chỉ thư” được hiểu theo hai nghĩa: truyện về Tiểu Thanh và bài Độc Tiểu Thanh kí.

Chúng tôi nghiêng về cách hiểu của ông Nguyễn Quảng Tuân.

“Điệu” là động từ giữ chức năng vị ngữ trong câu. Là động từ, “điệu” vừa có bổ ngữ trực tiếp (điệu ai), vừa có bổ ngữ gián tiếp (điệu bằng cái gì). Rõ ràng, không thể điệu tập truyện như ông Trần Danh Đạt đã dịch. Do đó, chỉ còn điệu qua tập truyện Tiểu

Thanh và điếu qua bài thơ khóc Tiểu Thanh. Muốn chọn phương án nào trong hai cách hiểu trên, theo chúng tôi, cần hiểu “nhất chỉ thư” là gì.

Thực ra, “nhất chỉ thư” không chỉ là một tờ giấy có chữ viết, mà là, tờ giấy có chữ do chính tay mình viết. Nếu vậy, không thể hiểu đây là tác phẩm về Tiểu Thanh. Một điều nữa chúng tôi hết sức băn khoăn rằng, chẳng biết Nguyễn Du có dùng điển tích “nhất chỉ thư” hay ngẫu nhiên trùng với điển tích đó. Xin nêu ra để bạn đọc tham khảo. “Nhất chỉ thư” là một điển về Lưu Hoàng (236-306), rút từ Tấn thư, dùng để chỉ sự tâm huyết, công minh của người tự tay viết “nhất chỉ thư” dâng lên bề trên. Người dân bấy giờ có câu: “được “nhất chỉ thư” của Lưu công, hơn được tiến cử làm quan trong thập bộ”. Nguyễn Du đã ví bài Đọc Tiểu Thanh kí của mình như biểu dâng lên Tấn Huệ đế của Lưu Hoàng(23)? Nếu đúng như vậy, qua điển “nhất chỉ thư”, Nguyễn Du muốn bày tỏ rằng, ông thấu hiểu nỗi lòng Tiểu Thanh và ông cũng chẳng giấu điều đó: “ngã tự cư”!

2. “Song tiền”.

Về chữ, “song tiền” là trước cửa sổ. Nhưng, cửa sổ nào? Cửa sổ nhà Tiểu Thanh ở Cô Sơn Hàng Châu hay cửa sổ nhà Nguyễn Du tại Việt Nam?

Như trên kia đã trình bày, Nguyễn Du viết Độc Tiểu Thanh kị khi chưa đi sứ, do đó ông không thể đến trước cửa sổ nhà Tiểu Thanh đọc bài thơ của mình được. Song, nếu Nguyễn Du điếu Tiểu Thanh ở trước cửa sổ nhà mình thì nghe ra lại khiên cưỡng.

Xin hãy trở lại Di tích về nỗi hận ở gò mai. Trong văn bản có hai chi tiết đáng chú ý: Một là, khi Tiểu Thanh còn sống, tác giả kể: “tuy cảnh núi sông (ở Cô Sơn) tươi đẹp, (Tiểu Thanh) cũng không dám hé cửa sổ ngấm nhìn”; hai là, sau khi Tiểu Thanh qua đời, Lưu Vô Mộng – bạn của Phùng sinh “qua gò mai, trong cửa sổ thêu, nơi Tiểu Thanh nằm, tìm thấy một mảnh giấy tàn có ba

câu cửa bài từ, điệu Nam hương tử...”. Như vậy, trong cửa sổ là thế giới của Tiểu Thanh – nơi nàng ở và qua đời, còn ngoài cửa sổ - song tiền thế giới của nhân gian, của Lưu Vô Mộng, của Nguyễn Du, của chúng ta... Nguyễn Du điệu nàng bằng “nhất chỉ thư” tại song tiền – thế giới những người đang sống. Đây là nghĩa thứ nhất. Thứ hai, chẳng rõ có phải ngẫu nhiên không, nhưng về Tiểu Thanh có truyện của Tiên Tiên cư sĩ trong Lục song nữ sử, tác phẩm ra đời vào thời Minh. “Lục song” là cửa sổ xanh, nơi ở của con gái, sau dùm để chỉ chỗ đàn bà sinh sống. Và chẳng, thơ ca luôn mang tính ước lệ.

IV/ Chi phần hữu thần..., Văn chương vô mệnh...

Hai câu này không phức tạp lắm.

1. “Chi phần” - đề trang sức của phụ nữ, sau dùm để chỉ giới nữ lưu nói chung. “Thần” là thần thái, thần sắc, ở đây chỉ nhan sắc, tài hoa và trí tuệ của Tiểu Thanh. Trong tác phẩm của mình,

Mặc lãng tử luôn nhấn mạnh đến thần thái Tiểu Thanh tươi đẹp. Khi mới 10 tuổi, nàng đã mục tú mi thanh, thông tuệ khác thường. Năm nàng 16 tuổi, Phùng sinh mới gặp đã siêu lòng. Về tới nhà chồng, mặc dù nàng đã “cúi đầu hạ dạng cung kính không dám lộ vẻ phong lưu, vậy mà, phong thái kiêu diễm của Tiểu Thanh càng giấu lại càng rực rỡ”. Trước mặt vợ Phùng sinh, Dương phu nhân vẫn thẳng thắn nhận xét Tiểu Thanh là “một cô gái tốt! Mi thanh mục tú, ôn hòa nhã nhặn khác thường, chẳng sánh bậc tao nhân mặc khách, thì cũng là người ở chốn kim mã ngọc đường”. Lúc Tiểu Thanh qua đời, Mặc lãng tử từng thốt lên: “Người đẹp như ngọc mà mệnh mỏng như mây; nhị quỳnh, ưu đàm nhân gian có một”. Đặc biệt, bức vẽ thứ ba, Mặc lãng tử nhận xét: “cực kì phong nhã”. Tác giả Dương Châu mỹ nữ còn miêu tả bức vẽ thứ ba hấp dẫn hơn nhiều: “hoạ sư đề nghị Phùng Tiểu Thanh không cần ngồi nghiêm nghị mà cứ nói cười, đi lại, nằm ngồi bình thường, còn tình cảm buồn vui oán giận thì cứ để chúng tùy theo cảm hứng tự nhiên, hà tất phải cố ý tạo dựng. Tiểu Thanh lĩnh hội ý của hoạ sư, bèn không ngồi cứng nhắc như trước mà cứ hoạt

động bình thường. Lúc thì nàng cùng bà hầu chuyện trò cười nói, lúc lại quạt lò pha trà, lúc đùa chơi với chim anh vũ, hoặc quay sang đọc thơ xem sách, hoặc đi lại dưới gốc mai... Qua từng cử chỉ, từng cái nhăn mày đến điệu cười tiếng nói của Tiểu Thanh... họa sư đã nắm bắt được thần thái, cốt cách của nàng. Quan sát như vậy mất ba ngày, sau đó lại mất một ngày pha màu rồi mới vẽ. Trong bức vẽ này, Tiểu Thanh dựa cây mai một cách tự nhiên, sống động như thật, dường như có thể gọi nàng bước ra khỏi tranh”. Cái sắc thái sinh động có thần của Tiểu Thanh đã đi vào bức họa, biến bức họa vốn vô tri vô giác thành con người sống thực làm liên can đến việc sau khi nàng qua đời: bức họa bị đốt! Nếu Tiểu Thanh không có cốt cách, không có tâm hồn, không có thần thì sau khi nàng đã qua đời, không thể khiến cho bức vẽ về nàng bị đốt. Văn chương nào phải đâu là sinh mệnh sống, mà bị lụy khiến chúng thành tro?

2. Phần dư

“Phần dư” là phần (thơ, từ) còn lại không bị đốt, chứ không phải “tập thơ bị đốt còn sót lại” hoặc “đốt dở,... phần đốt còn sót lại”. Giải thích như vậy dễ làm người đọc hiểu nhầm. Tuy nhiên, điều đáng nói là, chỉ truyện về Tiểu Thanh trong Ngũ Sơ tân chí, trong Tình sử và trong Dương châu mỹ nữ mới nói tới Phần dư hoặc Phần dư cảo còn trong Tây Hồ giai thoại, Lục song nữ sử không có chi tiết này.

Sẽ giải thích như thế nào về hiện tượng trên khi cho rằng, Nguyễn Du dựa trên Tây Hồ giai thoại, Lục song nữ sử để viết Độc Tiểu Thanh kí? Vậy, có cái gọi là Tiểu Thanh kí không?

V/ Nhan đề bài thơ

Từ đầu đến giờ, chúng tôi luôn chứng minh rằng, viết Độc Tiểu Thanh kí Nguyễn Du dựa trên cơ sở đọc Tây Hồ giai thoại, Lục song nữ sử... Nhưng kết luận như vậy sẽ không lí giải được câu “lục Phần dư” vì Phần dư chỉ có trong Tiểu Thanh truyện. Để xử lí

hiện tượng này, ta hãy xem chữ “kí” có những nghĩa gì?

“Kí” có ít nhất ba nghĩa. Một là tương đương với khái niệm “truyện”, như Bích Câu kì ngộ kí; hai là, thể kí văn học như Công dư tiệp kí; ba là, ghi chép. Bây giờ ta dùng phép loại trừ để xem Nguyễn Du dùng nghĩa nào.

Thứ nhất, trong Ngu Sơ tân chí và Tình sử đã có Tiểu Thanh truyện. Bởi vậy, Nguyễn Du không thể thay khái niệm truyện bằng kí được. Thứ hai, nếu Nguyễn Du dùng kí với ý nghĩa là thể kí văn học, thì trong thư tịch Trung Hoa ắt phải có tác phẩm kí viết về Tiểu Thanh. Song chúng tôi đã tra tìm tất cả các danh mục tác phẩm viết về Tiểu Thanh nhưng chẳng có văn bản nào đề là Tiểu Thanh kí cả. Vậy chỉ còn một nghĩa thứ ba: ghi chép. Qua những tư liệu chúng tôi đã trình bày trên kia, chiếu ứng vào nội dung bài Độc Tiểu Thanh kí, ta thấy Nguyễn Du đã đọc một số văn bản viết về Tiểu Thanh như Tây Hồ giai thoại, Lục song nữ sử, Ngu Sơ tân chí, Tình sử... Điều đó cũng có nghĩa, kí là ghi chép, Nguyễn

Du ghi lại cảm xúc khi đọc một số tài liệu, chủ yếu là Tây Hồ giai thoại để viết Độc Tiểu Thanh kí. Do đó, Độc Tiểu Thanh kí là đọc những ghi chép về Tiểu Thanh.

Truy tìm tư liệu về Tiểu Thanh là một trong những hướng đi có triển vọng để tiếp cận bài Độc Tiểu Thanh kí. Công việc ấy cần sự đóng góp của nhiều người, còn chúng tôi chỉ nổi bước những nhà nghiên cứu đi trước như Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, Nguyễn Quảng Tuân...

Điều cuối cùng chúng tôi muốn nói là, nhân vật Phùng Tiểu Thanh liên quan đến Kim Vân Kiều truyện. Mở đầu hồi một của Kim Vân Kiều truyện, trong Lời bình, tác giả không dưới 7 lần nhắc tới Phùng Tiểu Thanh và nhấn mạnh rằng, chính cuộc đời đáng thương, đáng xót của nàng đã cảm động đến các tao nhân mặc khách..., khiến họ phải vì nàng mà thở than, mà thương xót...; vì nàng mà “khắc in văn tập, viết truyện truyền kì lưu truyền bất hủ”(24). Cuộc đời Phùng Tiểu Thanh đã bi thảm, số phận Vu-

ơng Thuý Kiều còn bi thảm hơn. Tác giả Lời bình nhận xét, Vu-ơng Thuý Kiều “tài sắc chẳng kém Tiểu Thanh mà bị đoạ đầy còn hơn Tiểu Thanh, đủ để ngàn năm sánh cùng Tiểu Thanh vậy”(25). Nguyễn Du dựa vào Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân để sáng tác Đoạn trường tân thanh. Do đó khi viết Đoạn trường tân thanh, Nguyễn Du hẳn là phải biết tới đoạn văn chúng tôi vừa trích và khi đã biết, chắc Nguyễn Du chẳng thể bỏ qua câu chuyện về cô gái có tên là Phùng Tiểu Thanh. Cho nên, nghiên cứu về Tiểu Thanh không chỉ giúp ta hiểu bài Độc Tiểu Thanh kí, mà còn giúp ta biết chính xác hơn thời điểm ra đời Đoạn trường tân thanh. Tuy nhiên, trong bài viết này, chủ yếu trên cơ sở cung cấp một số tư liệu mới về Tiểu Thanh, chúng tôi muốn đưa ra những hướng kiến giải bài Độc Tiểu Thanh kí. Về thời điểm sáng tác Đoạn trường tân thanh cũng như khuynh hướng sáng tác Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du xin trình bày trong dịp khác./.